

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 23/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 2460/SKHĐT-TH ngày 09/9/2016.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Căn cứ Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020, Giám đốc các Sở, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

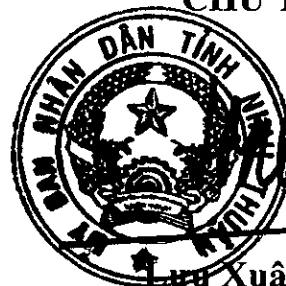
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, TH. LXV

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vinh

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn
cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 70 /2016/QĐ-UBND ngày 29 / 9 /2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi: Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển tại quy định này là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 của tỉnh và của các huyện, thành phố. Đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn:

- Phải bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương là cơ sở để xác định số vốn bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách của từng huyện, thành phố và được thực hiện ổn định cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển của đô thị trung tâm, các địa phương có số thu lớn, với việc ưu tiên các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác, để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

- Sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương.

- Xác định tỷ lệ phân chia nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn cân đối ngân sách địa phương (vốn trong cân đối theo tiêu chí 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ) như sau: Sau khi trả nợ vay theo quy định, bố trí đầu tư cho lĩnh vực giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ, số còn lại phân bổ cho các Sở ngành 60%, cấp huyện 40%.

- Bảo đảm tỷ lệ phân bổ chi tiết 90% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn, dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 3. Tiêu chí phân bổ vốn và xác định số điểm của từng tiêu chí:

1. Tiêu chí dân số, gồm 2 tiêu chí thành phần: Số dân của các huyện, thành phố và số người dân tộc thiểu số.

a) Điểm của tiêu chí dân số

- Đến 27 ngàn người được tính 10 điểm.

- Trên 27 ngàn người, cứ tăng thêm 5 ngàn người được tính thêm 3 điểm.

b) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

- Đối với khu vực đồng bằng, cứ 3,3 ngàn người dân tộc thiểu số được tính 1 điểm.

- Đối với khu vực miền núi, cứ 3,3 ngàn người dân tộc thiểu số được tính 4 điểm.

2. Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 2 tiêu chí thành phần: Tỷ lệ hộ nghèo và thu ngân sách theo phân cấp của các huyện, thành phố.

a) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo: Cứ 5% hộ nghèo được tính 3,5 điểm.

b) Điểm của tiêu chí thu ngân sách theo phân cấp của các huyện, thành phố

- Đến 8 tỷ đồng được tính 3 điểm.

- Trên 8 tỷ đồng đến 80 tỷ đồng, cứ 4 tỷ đồng tăng thêm, được cộng thêm 4 điểm.

- Trên 80 tỷ đồng đến 240 tỷ đồng, cứ 4 tỷ đồng tăng thêm, được cộng thêm 6 điểm.

- Trên 240 tỷ đồng, cứ 4 tỷ đồng tăng thêm, được cộng thêm 9 điểm.

3. Tiêu chí diện tích, gồm 2 tiêu chí thành phần: Diện tích đất tự nhiên của địa phương và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

a) Điểm của diện tích đất tự nhiên

- Đến 80 km² được tính 6 điểm.

- Trên 80km² đến 200 km², cứ 40 km² tăng thêm, được tính thêm 2 điểm.

- Trên 200 km² đến 400 km², cứ 40 km² tăng thêm, được tính thêm 1 điểm.

- Trên 400 km², cứ 40 km² tăng thêm, được tính thêm 0,5 điểm.

b) Điểm của diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên

- Các địa phương có tỷ lệ diện tích đất trồng lúa đến 20% không được tính điểm.

- Trên 20% đến 30%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 0,5 điểm.

- Trên 30% đến 50%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 1 điểm.

- Trên 50% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 2 điểm.

4. Tiêu chí về đơn vị hành chính: Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn.

- Mỗi xã, phường, thị trấn được tính 1 điểm.

- Mỗi xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển được tính thêm 0,5 điểm

5. Tiêu chí bổ sung, gồm 4 tiêu chí thành phần

a) Huyện mới thành lập (huyện Thuận Nam) và Huyện có quy hoạch dự kiến xây dựng trung tâm hành chính huyện Ninh Hải). Mỗi huyện được cộng thêm 20 điểm.

b) Huyện có số dân đồng bào dân tộc thiểu số miền núi sinh sống chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên, nhưng không được hưởng chính sách huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ (huyện Thuận Bắc) được cộng thêm 10 điểm.

d) Huyện có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cộng thêm 100 điểm (6/6 huyện) theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

e) Huyện có căn cứ kháng chiến cũ, gồm: Căn cứ CK7 Nhị Hà, Thuận Nam; CK19 Vĩnh Hải, Ninh Hải; CK22 Phước Trung, Bác Ái; CK25 Phước Vinh, Ninh Phước; CK35 Phước Dinh, Thuận Nam được cộng thêm 01 điểm/căn cứ.

Điều 4. Phương pháp xác định mức vốn phân bổ cho các huyện, thành phố:

- Trên cơ sở số điểm của từng huyện, thành phố để xác định tổng số điểm của 7 huyện, thành phố;

- Số vốn cho 01 điểm bằng tổng số vốn trong cân đối phân cấp cho các huyện, thành phố chia cho tổng số điểm của 7 huyện, thành phố.

- Số vốn phân bổ cho mỗi huyện, thành phố bằng số vốn của 01 điểm nhân với tổng số điểm của huyện, thành phố đó.

Theo đó, định mức vốn phân bổ cho các huyện, thành phố giai đoạn 2016-2020 như sau:

- Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm: đạt 362 điểm, tỷ lệ 20,16%;
- Huyện Ninh Sơn: đạt 251 điểm, tỷ lệ 13,98%;
- Huyện Ninh Phước: đạt 251 điểm, tỷ lệ 13,98%;
- Huyện Thuận Nam: đạt 239 điểm, tỷ lệ 13,31%;
- Huyện Ninh Hải: đạt 238 điểm, tỷ lệ 13,25%;
- Huyện Thuận Bắc: đạt 232 điểm, tỷ lệ 12,92%;
- Huyện Bác Ái: đạt 223 điểm, tỷ lệ 12,41%.

(Đính kèm phụ lục điểm số các tiêu chí phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020).

Điều 5. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỂM SỐ CÁC TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Quyết định số **70** /2016/QĐ-UBND ngày **29** /9/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

ST T	Địa phương	Tổng cộng số điểm các tiêu chí	Tỷ lệ % trên tổng số điểm	Tiêu chí dân số						Trình độ phát triển				Diện tích				Đơn vị hành chính				Điểm Tiêu chí bổ sung					
				Tổng số điểm tiêu chí dân số	Dân số		Dân tộc thiểu số		Tổng số điểm tiêu chí trình độ PT	Thu ngân sách theo phân cấp		Hộ nghèo		Diện tích tự nhiên		DT đất trồng lúa		Xã, phường		Xã ĐBK, Bãi ngang		Huyện mới thành lập và Huyện có Quy hoạch dự kiến xây dựng Trung tâm hành chính	Huyện có đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên nhưng không được hưởng chính sách 30a	Huyện có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn theo ND 118/2015/ND-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Huyện có căn cứ kháng chiến		
					Số người (ngàn người)	Điểm	Số người (ngàn người)	Điểm		Số thu (tỷ đồng)	Điểm	Tỷ lệ (%)	Điểm	Diện tích (km2)	Điểm	Tỷ lệ (%)	Điểm	Tổng số xã	Điểm	Số xã	Điểm						
								Đồng bằng																		Miền núi, Huyện mới	
	Tổng số	1.796	100%	437	590	310,8	150	19	107	515	380	400	15	115	3356	115	65	0	74	65	65	17	8,5	40	10	600	5
1	Thành phố PRTC	362	20,14%	97,2	171	96	3,3	1		243	190	240	4	3	80	6	18		16	16	16						
2	Huyện Ninh Sơn	251	13,97%	61,0	75	39	18,6		23	59	46	41	25,95	18	771	21,6	5		9,0	8	8	2	1			100	
3	Huyện Ninh Phước	251	13,97%	86,0	129	71	49,4	15		39	34	29	13,66	10	341	15,5	19		9,5	9	9	1	0,5			100	1
4	Huyện Thuận Nam	239	13,33%	50,6	58	29	18,2		22	39	32	27	16,84	12	566	19,1	4		9,0	8	8	2	1	20		100	2
5	Huyện Ninh Hải	238	13,26%	51,3	91	49	9,3	3		44	43	38	7,86	6	252	13,3	9		9,0	9	9			20		100	1
6	Huyện Thuận Bắc	232	12,90%	50,5	41	18	26,6		32	49	27	22	38,22	27	319	15	9		7,5	6	6	3	1,5		10	100	
7	Huyện Bắc ái	223	12,41%	39,9	27	10	24,9		30	44	8	3	58,78	41	1027	24,8	1		13,5	9	9	9	4,5			100	1